UBND TỈNH HƯNG YÊN
**VĂN PHÒNG**

Số: 260 /VPUB-PVHCC&KSTT

V/v Công bố kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công tháng 7/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hưng Yên, ngày 05 tháng 8 năm 2024*

Kính gửi:
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử;

Căn cứ Công văn số 2283/UBND-PVHCC&KSTT ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử;

Trên cơ sở kết quả đồng bộ công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (CDVCQG) tại địa chỉ https://quantri.dichvucong.gov.vn/, Văn phòng UBND tỉnh công bố kết quả đánh giá Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công tháng 7/2024 của tỉnh như sau:

1. Tổng hợp các nhóm chỉ số của tỉnh Hưng Yên đạt 85,83 điểm; xếp hạng thứ 02/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó:

- Chỉ số Công khai minh bạch: 14,4/18 điểm (trung bình cả nước là 10,8/18 điểm), đạt tỷ lệ 80,1%, xếp hạng thứ 11/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số Tiến độ giải quyết: 19,6/20 điểm (trung bình cả nước là 17,5/20 điểm), đạt tỷ lệ 98,35%, xếp hạng thứ 04/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, 02 Sở có tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn và trước hạn thấp, dưới 90% là: Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến:

+ Dịch vụ công trực tuyến: 8,1/12 điểm (trung bình cả nước là 6,6/12 điểm), đạt tỷ lệ 82,0%, xếp hạng thứ 03/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Thanh toán trực tuyến: 8,9/10 điểm (trung bình cả nước là 6,0/10 điểm), đạt tỷ lệ 59,38%, xếp hạng thứ 18/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Hiện tại trên CDVCQG đang hiển thị UBND tỉnh Hưng Yên có 877 TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp. Tuy nhiên, số lượng TTHC trên đang nhiều hơn so với số thực tế của UBND tỉnh Hưng Yên cung cấp điều này

dẫn đến mẫu số tính tỷ lệ thanh toán trực tuyến của các đơn vị cao kéo theo tỷ lệ thanh toán trực tuyến của từng đơn vị thấp phản ánh chưa đúng với kết quả thực hiện. Vì vậy, Văn phòng UBND tỉnh tạm thời dừng công khai số liệu cụ thể của các đơn vị ở nhóm chỉ số này cho đến khi số lượng TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên CDVCQG của tỉnh đúng với số liệu thực tế.

- Chỉ số Mức độ hài lòng: 18/18 điểm (trung bình cả nước là 17,7/18 điểm). đạt tỷ lệ mức độ hài lòng 100%.

- Chỉ số về số hóa hồ sơ: 16,8/22 điểm (trung bình cả nước là 14,3/22 điểm), trong đó việc cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử bản sao từ bản chính đã được triển khai, thực hiện tại 171/171 đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả cụ thể một số nhóm, tiêu chí của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

*(Có Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo).*

Căn cứ kết quả nêu trên, Văn phòng UBND tỉnh đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố: thực hiện công khai kết quả đánh giá Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 97/UBND-PVHCC&KSTT ngày 15/01/2024 về việc tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công; tiến hành rà soát, tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ để nâng cao điểm số cũng như tỷ lệ các nhóm chỉ số đang ở mức thấp, duy trì và phát huy hơn nữa các chỉ số đang ở mức tốt.

Giao Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh công khai kết quả trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công và Kiểm soát thủ tục hành chính công khai kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT-HN tỉnh;
- Trung tâm PVHCC&KSTTHC[Tài];
- Lưu: VT, PVHCC&KSTT[Nh.].

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG**
**PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

**Trần Văn Thắng**

**Phụ lục I**
**MỘT SỐ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN TRONG BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH; UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THÁNG 7/2024**
*(Kèm theo Công văn số /VPUB-PVHCC&KSTT ngày /8/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên)*

| Stt | Tên cơ quan, đơn vị | Kết quả xử lý hồ sơ TTHC (%) | Tỷ lệ mức độ hài lòng (%) |
|---|---|---|---|
| **I** | **UBND tỉnh Hưng Yên** | **98,35** | **100** |
| 1 | Sở Tài chính | 100 | 100 |
| 2 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 97.3 | 100 |
| 3 | Sở Nội vụ | 100 | 100 |
| 4 | Sở Thông tin và Truyền thông | 100 | 100 |
| 5 | Sở Khoa học và Công nghệ | 100 | 100 |
| 6 | Sở Giao thông vận tải | 99,43 | 100 |
| 7 | Sở Xây dựng | 100 | 100 |
| 8 | Sở Y tế | 87,24 | 97,8 |
| 9 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 98,9 | 100 |
| 10 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 97,06 | 100 |
| 11 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | 79,98 | 96,2 |
| 12 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 98,67 | 100 |
| 13 | Sở Tài nguyên và Môi trường | 94,79 | 100 |
| 14 | Sở Công Thương | 100 | 100 |
| 15 | Sở Tư pháp | 98,24 | 100 |
| 16 | Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh | 100 | 100 |
| 17 | UBND thành phố Hưng Yên | 98,86 | 100 |
| 18 | UBND huyện Ân Thi | 99,27 | 100 |
| 19 | UBND huyện Kim Động | 98,16 | 100 |
| 20 | UBND huyện Khoái Châu | 99,41 | 100 |
| 21 | UBND huyện Tiên Lữ | 96,09 | 100 |
| 22 | UBND huyện Phù Cừ | 98,39 | 100 |
| 23 | UBND huyện Yên Mỹ | 99,01 | 100 |
| 24 | UBND thị xã Mỹ Hào | 99,37 | 100 |
| 25 | UBND huyện Văn Lâm | 99,46 | 100 |
| 26 | UBND huyện Văn Giang | 99,46 | 100 |

**Phụ lục II**
**CÁC CHỈ TIÊU CHỈ PHÁT SINH HOẶC THỐNG KÊ ĐƯỢC CỦA UBND CẤP HUYỆN THÁNG 7/2024**
*(Kèm theo Công văn số /VPUB-PVHCC&KSTT ngày /8/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên)*

| Stt | Tên cơ quan, đơn vị | Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC (%) | Kết quả cấp bản sao điện tử (bản) | Kết quả đánh giá |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **UBND tỉnh Hưng Yên** | **86,47** | **256.387** | **Tốt** |
| 1 | UBND huyện Ân Thi | 80 | 19.215 | Tốt |
| 2 | UBND huyện Khoái Châu | 78,2 | 37.639 | Tốt |
| 3 | UBND thành phố Hưng Yên | 77,7 | 29.728 | Tốt |
| 4 | UBND Thị Xã Mỹ Hào | 77,9 | 41.672 | Tốt |
| 5 | UBND huyện Văn Giang | 76,9 | 12.013 | Tốt |
| 6 | UBND huyện Văn Lâm | 74,9 | 18.736 | Tốt |
| 7 | UBND huyện Tiên Lữ | 75,5 | 26.949 | Tốt |
| 8 | UBND huyện Kim Động | 81 | 35.540 | Tốt |
| 9 | UBND huyện Yên Mỹ | 76,6 | 19.225 | Tốt |
| 10 | UBND huyện Phù Cừ | 77,2 | 15.670 | Tốt |